

-----  
Bản án số: **431/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: **20/12/2021**

*V/v: Xin ly hôn giữa chị Nguyễn Minh T  
và anh Phạm Quốc V*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN- TP HÀ NỘI**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:** Ông Trần Tự Hiếu

**Hội thẩm nhân dân:** Ông Tạ Đức Minh và bà Nguyễn Thị Cúc

**Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Phạm Lệ Quyên- Cán bộ Tòa án

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thanh Hương - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Long Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 374/2021/TLST-HNGĐ ngày 10/11/2021 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2021/QĐXX ngày 15/12/2021, giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Minh T, sinh năm 1994**

HKTT: Tổ X phường P, quận L, thành phố Hà Nội

Trú tại : Tổ Y phường P, quận L, thành phố Hà Nội

(Chị T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

**\* Bị đơn: Anh Phạm Quốc V, sinh năm 1991**

HKTT: Tổ X phường P, quận L, thành phố Hà Nội

Hiện đang thụ án tại: Đội 2, K1- T345- Trại giam Xuyên Mộc, Tân Lâm, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu

(Anh V vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN

**\* Tại đơn xin ly hôn và các lời khai tại Toà án nguyên đơn là chị Nguyễn Minh T trình bày:**

- **Về tình cảm:** Tôi và anh Phạm Quốc V được tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 23/01/2013 tại UBND phường Phúc Lợi, quận Long Biên, TP. Hà Nội, trước khi kết hôn chưa ai có vợ có chồng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng tính cách không hợp, bất đồng quan điểm về mọi mặt trong cuộc sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Anh V là người thường xuyên bỏ bê gia đình, tụ tập bạn bè không quan tâm đến vợ con, ngoài ra anh V còn cờ bạc dẫn đến nợ nần nhiều người phải bỏ trốn. Đến tháng 10/2016, tôi đã về nhà bố mẹ đẻ ở tại tổ T phường L, quận L, thành phố Hà Nội. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Đến khoảng tháng 11/2018, anh V bị Công an thành phố Vũng Tàu bắt về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và bị Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xử phạt 11 năm tù. Hiện anh V đang thụ án tại Đội 2, K1- T345- Trại giam Xuyên Mộc, Tân Lâm, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

Đến nay tôi xác định tình cảm vợ chồng với anh V không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Tôi có nguyện vọng được ly hôn anh V.

- **Về con chung:** Tôi và anh V có 02 con chung tên là Phạm Nguyễn Trang N, sinh ngày 27/08/2013 và Phạm Gia K, sinh ngày 10/04/2015

Khi ly hôn tôi có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh V đóng góp phí tổn nuôi con.

- **Về tài sản chung, nhà ở chung, công nợ:** Tôi và anh V không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* Bị đơn là anh Phạm Quốc V trình bày:** Về thời gian, điều kiện kết hôn đúng như chị T trình bày.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng hay xảy ra cãi vã nhau, vợ chồng không có sự tin tưởng lẫn nhau. Đến khoảng tháng 10/2016, sau khi cãi vã chị T mang theo cháu T Nhi đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Đến tháng 11/2016, tôi vào Vũng Tàu làm ăn và gửi con cho ông bà nội và anh trai chăm sóc. Hàng tháng tôi vẫn gửi tiền chu cấp. Đến ngày 06/11/2018, tôi Công an thành phố Vũng Tàu bắt về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và bị Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xử phạt 11 năm tù.

Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng với tôi không còn và có nguyện vọng được ly hôn, tôi đồng ý với nguyện vọng của chị T

- **Về con chung:** Tôi và chị T 02 con chung tên là Phạm Nguyễn T Nhi, sinh ngày 27/08/2013 và Phạm Gia K, sinh ngày 10/04/2015

Về việc nuôi con, tôi có ý kiến như sau: Trước khi bị bắt và chấp hành án. Mẹ đẻ tôi là bà Nguyễn Thị Ngọc cùng anh trai tôi là Phạm Sơn Hà và bản thân tôi vẫn đang chăm sóc cháu K, chị T đang chăm sóc cháu N như đã thỏa thuận trước khi chúng tôi ly thân. Hai bên vẫn tự do qua lại thăm các cháu và đón các cháu qua chơi bên nội, ngoại. Bản thân cháu K thích và đã quen ở bên nhà nội hơn nên nguyện vọng của tôi là muốn giữ nguyên để mỗi gia đình chăm sóc 01 cháu. Sau này khi tôi chấp hành xong bản án sẽ quyết định việc nuôi con theo ý muốn của hai bên và bản thân các cháu lúc đó đã đủ lớn để nhận thức được và để cho các cháu được quyền lựa chọn ở với bố hay mẹ

- **Về tài sản chung, nhà ở chung, công nợ:** Tôi và chị T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tại phiên toà:**

- Chị Nguyễn Minh T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt  
- Anh Phạm Quốc V vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt  
- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án như sau:

- Quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thủ tục theo quy định của pháp luật

- Đối với việc chấp hành pháp luật của đương sự:

+ Nguyên đơn chấp hành, đảm bảo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

+ Bị đơn hiện đang chấp hành hình phạt tù và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

\* Về nội dung vụ án: Chị T và anh V kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống anh chị đã xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng không có sự tin tưởng lẫn nhau, thường xuyên xảy ra cãi nhau. Tháng 10/2016, chị T đã về nhà bố mẹ đẻ ở. Tháng 11/2016, anh V vào Vũng Tàu làm ăn, sinh sống. Đến ngày 28/02/2019, anh V bị Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xử phạt 11 năm tù về tội “Tàng trữ phép chất ma túy”. Hiện anh V đang chấp hành án tại Đội 2, K1- T345- Trại giam Xuyên Mộc, Tân Lâm, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng với anh V không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên xin ly hôn anh V.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28, Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

- Về tình cảm: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Minh T đối với anh Phạm Quốc V

- Về con chung: Xác nhận chị T và anh V có 02 con chung tên là Phạm Nguyễn Trang N, sinh ngày 27/08/2013 và Phạm Gia K, sinh ngày 10/04/2015.

Khi ly hôn chị T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh V đóng góp phí tổn nuôi con chung. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị T.

- Về tài sản chung, nhà ở chung, công nợ chung: Hai bên xác nhận không có, không yêu cầu Toà án giải quyết do đó không xem xét

- Về án phí: Chị T phải chịu án phí LHST theo quy định của pháp luật

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **\* Về thủ tục tố tụng:**

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Minh T xin ly hôn anh Phạm Quốc V có hộ khẩu thường trú tại: Tổ X phường P, quận L, thành phố Hà Nội. Hiện đang chấp hành án tại: Đội 2, K1- T345- Trại giam Xuyên Mộc, Tân Lâm, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. Toà án nhân dân quận Long Biên thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, chị T và anh V đều có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh V theo quy định tại Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

**\* Về quan hệ hôn nhân:** Chị Nguyễn Minh T và anh Phạm Quốc V đăng ký kết hôn ngày 23/01/2013 tại UBND phường P, quận L, TP. Hà Nội. Đây là một hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, anh chị sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xảy ra cãi nhau, không có sự tin tưởng lẫn nhau. Do vợ chồng mâu thuẫn nên tháng 10/2016, chị T đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Tháng 11/2016, anh V vào thành phố Vũng Tàu

làm ăn, đến tháng 11/2018 anh V bị Công an thành phố Vũng Tàu bắt và bị Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xử phạt 11 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Hiện anh V đang thụ án tại Đội 2, K1- T345- Trại giam Xuyên Mộc, Tân Lâm, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. Chị T và anh V đều có nguyện vọng được ly hôn. Vì vậy Hội đồng xét xử nhận thấy cuộc sống chung giữa chị T và anh V không có hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh V là có căn cứ và phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

\* **Về con chung:** Hai bên xác nhận có 02 con chung tên là Phạm Nguyễn Trang N, sinh ngày 27/08/2013 và Phạm Gia K, sinh ngày 10/04/2015.

Khi ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh V đóng góp phí tổn nuôi con chung. Anh V có đề nghị để cháu Khánh tiếp tục ở với bà Nguyễn Thị Ngọc.

Xét việc chăm sóc và nuôi dưỡng con chung là trách nhiệm của cha mẹ đối với con trẻ chưa thành niên. Hiện anh V đang phải chấp hành án phạt 11 năm tù tại Trại giam Xuyên Mộc nên không có điều kiện để chăm sóc con chung do đó cần giao 02 con chung là cháu Phạm Nguyễn Trang N và Phạm Gia K cho chị T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật. Chị T không yêu cầu anh V đóng góp phí tổn nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

\* **Về tài sản chung, nhà ở chung và nợ chung:** Hai bên xác nhận không có và không đề nghị Tòa án xem xét, do đó Hội đồng xét xử không xem xét

\* **Về án phí:** Chị Nguyễn Minh T phải chịu án phí ly LHST theo quy định của pháp luật

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTWQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

**1. Về tình cảm:** Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Minh T. Chị Nguyễn Minh T được ly hôn anh Phạm Quốc V.

**2. Về con chung:** Giao chị Nguyễn Minh T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng 02 con chung tên là Phạm Nguyễn Trang N, sinh ngày 27/08/2013 và Phạm Gia K, sinh ngày 10/04/2015, thời gian kể từ tháng 12/2021 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh V đóng góp phí tổn nuôi con. Tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp phí tổn nuôi con đối với anh V đến khi chị T có yêu cầu.

Anh V có quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

**3. Về tài sản chung, nhà ở chung và nợ chung:** Hai bên xác nhận không có, không yêu cầu Toà án giải quyết do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

**4. Về án phí:** Chị Nguyễn Minh T phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ sơ thẩm đã nộp được trừ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0064802 ngày 10/11/2021 tại Chi Cục thi hành án dân sự quận Long Biên.

Chị T và anh V đều vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật

**Nơi nhận:**

- TAND TP Hà Nội
- VKS, Chi cục THADS quận Long Biên
- UBND phường Phúc Lợi
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Tự Hiếu**